

Bản án số: 290/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Gia Ánh và ông Lê Văn Sự.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30-9-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 20-6-2022, về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 268/2024/QĐXX-ST ngày 26-8-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2024/QĐ-HPT ngày 12-9-2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị TMP, sinh năm 1988. CCCD số 001XXXXXXXXXX do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 07-11-2021. Địa chỉ nơi ở: Số 3X ngõ X A, phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh ĐQV, sinh năm 1984. CCCD số 001XXXXXXXXXX do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 03-6-2022. Nơi đăng ký NKTT: Số 2XX B, phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Hiện ở: Romania.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh ĐQV: Bà NTHN - Luật sư Công ty Luật TNHH NN và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Phường C, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

Anh ĐQV vắng mặt; bà NTHN có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị TMP trình bày:

Tôi và anh ĐQV kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31-3-2011 tại UBND phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau ở Việt Nam vài tháng thì cả hai vợ chồng sang xuất khẩu lao động tại Romania (Rumani). Hàng năm, tôi về Việt Nam khoảng 01 lần, còn anh ĐQV về

Việt Nam nhiều hơn tôi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tôi nghi ngờ anh ĐQV có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng không có bằng chứng. Năm 2020, tôi có bằng chứng về việc anh ĐQV có quan hệ với người phụ nữ khác. Đến tháng 9-2020, tôi chuyển ra ngoài sống ly thân với anh ĐQV từ đó đến nay. Tháng 9-2021, tôi về Việt Nam, không quay trở lại Rumani nữa. Từ tháng 9-2021, khi vợ chồng sống ly thân thì tôi và anh ĐQV cũng không nói chuyện với nhau, không liên hệ, không quan tâm đến nhau. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh ĐQV.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu ĐE, sinh ngày 01-6-2012 và cháu ĐL, sinh ngày 09-7-2014. Năm 2020, khi tôi ra ở riêng, cháu ĐE ở với anh ĐQV, còn cháu ĐL ở với tôi. Khi tôi về Việt Nam thì cháu ĐL cũng về Việt Nam với tôi.

Thời gian vợ chồng ly thân, anh ĐQV có về Việt Nam và đến trường thăm cháu ĐL, thì cháu ĐL không theo anh ĐQV đi nên anh ĐQV làm âm lên ở trường. Tôi không biết sự việc đó cho đến khi nhà trường gọi. Về sự việc xảy ra ở nhà tôi thì tôi cũng không biết, cho đến khi Ban quản lý tòa nhà gọi cho tôi. Khi UBND phường D, quận HĐ gọi cho tôi thì tôi không ra vì tôi thấy việc anh ĐQV yêu cầu là vô lý, có tình gây rối trật tự nơi ở của tôi.

Khi ly hôn, tôi đề nghị được tiếp tục nuôi cháu ĐL, anh ĐQV tiếp tục nuôi cháu ĐE. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Theo đơn xin ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân gồm:

1. Nhà đất tại số 9X đường E, phường G, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.
2. Thửa đất số 5X-X-X, tờ bản đồ 2X tại thôn H, xã P, huyện I, Thành phố Hà Nội.
3. Nhà đất số X ngách 3X/2X đường K, phường L, quận M, Thành phố Hà Nội.
4. Khu biệt thự nhà vườn thuộc sân Golf tại Thửa đất số 2X, 3X tại xã N, huyện O, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuy nhiên, đến ngày 21-12-2023, tôi đã rút toàn bộ yêu cầu về tranh chấp tài sản chung, công nợ chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung vợ chồng nữa. Việc tôi xin rút toàn bộ yêu cầu phần yêu cầu giải quyết tranh chấp về tài sản là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc.

Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh ĐQV và giải quyết việc giao người chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo yêu cầu của tôi.

*** Bị đơn là anh ĐQV trình bày:**

- Về tình cảm: Anh ĐQV và chị TMP kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31-3-2011 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2011, quyền số 01/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của gia đình tôi ở số 2XX đường B, phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội từ ngày 23-3-2011, đến ngày 26-12-2011 thì chúng tôi chuyển đến Romania sinh sống cùng nhau. Từ khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thương yêu, quan tâm lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc, dạy dỗ con cái. Trong quá trình chung sống, đôi lúc có tranh luận do bất đồng quan điểm nhưng vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn gì lớn, tôi luôn chủ động làm hòa và tự giải quyết mâu thuẫn. Trong gia đình, tôi luôn hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của một người chồng, một người bố trong việc quan tâm, chăm sóc, yêu thương vợ con. Việc chị TMP trình bày trong đơn khởi kiện cho rằng tôi không có trách nhiệm với con cái, không có tiếng nói chung và có quan hệ ngoài luồng với người khác giới dẫn về nhà làm ảnh hưởng đến con cái là hoàn toàn không có cơ sở và căn cứ

Hiện nay, mặc dù tôi và chị TMP mỗi người ở một nơi, chị TMP ở Việt Nam còn tôi sinh sống tại Romania nhưng tôi vẫn còn nhiều tình cảm muốn xây dựng gia đình ổn định, rất yêu thương các con và mong muốn gia đình đoàn tụ; các con chung đều rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của cả bố và mẹ nên tôi không đồng ý ly hôn. Tôi mong chị TMP suy nghĩ lại và rút đơn để cùng tôi xây dựng gia đình hạnh phúc, chung tay nuôi dạy các con lên người.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu ĐE, sinh ngày 01-6-2012 và cháu ĐL, sinh ngày 09-7-2014. Việc tôi thăm nom cháu ĐL thì chị TMP đã dùng nhiều cách nhằm cản trở tôi thăm nom cháu ĐL cả ở trường cũng như ở nhà, ngăn cấm không cho tôi gặp con suốt 03 năm qua. Tôi đã phải nhờ UBND phường D cùng gia đình chị TMP xác minh sự thật. Cuối năm 2023, tôi về nước nhưng cũng không được gặp cháu ĐL. Trường hợp ly hôn, tôi xin được nuôi cả hai con chung vì cả hai con đều là con trai; chị TMP không có công việc ổn định, thu nhập không ổn định. Nếu được nuôi con, tôi không yêu cầu chị TMP phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, anh ĐQV không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngày 05-9-2024, anh ĐQV nộp Bản trình bày ý kiến của mình, theo đó yêu cầu chia tài sản, cụ thể: Anh ĐQV yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 653021 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 04-3-2019 đứng tên chủ sở hữu là vợ chồng ĐQV, TMP tại thôn H, xã P, huyện I, Thành phố Hà Nội và trình bày: Thửa đất có giá trị là 1.200.000.000đ (*Một tỷ, hai trăm triệu đồng*), trong đó anh trai của anh ĐQV và vợ là anh ĐHP và chị HTPL góp

chung số tiền 463.000.000 đồng tương ứng 40% giá trị thửa đất. Nay nếu ly hôn, anh ĐQV đề nghị: Giá trị tài sản là 1.200.000.000đ. Phần của anh ĐHP, chị HTPL là 40% giá trị, còn lại 60% chia đôi cho anh ĐQV chị TMP mỗi người một nửa; Do diện tích đất nhỏ, ai lấy đất thì trả tiền cho người còn lại phần giá trị tương ứng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị TMP trình bày quan điểm: Giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn; anh ĐQV trình bày về việc vợ chồng không mâu thuẫn nhưng thực tế anh ĐQV đã và vẫn đang có nhiều mối quan hệ nam nữ ngoài luồng, công khai với gia đình và trên mạng xã hội; vợ chồng nhiều năm không quan tâm lẫn nhau và không còn liên lạc với nhau. Chị TMP đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh ĐQV. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, để đảm bảo cả hai cùng có trách nhiệm nuôi dạy con cái, đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho người kia. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh ĐQV vắng mặt tại phiên tòa và thông qua luật sư gửi bản trình bày ý kiến đề ngày 24-9-2024, thể hiện: Anh ĐQV chưa nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án; Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng theo đề nghị của anh trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án ngày 05-9-2024 là vi phạm về thủ tục tố tụng. Do đó, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn được hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị TMP nhất định ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị TMP cấp dưỡng; nếu chị TMP được giao nuôi cháu ĐL thì đề nghị Tòa án ghi rõ trong bản án thời gian anh được thực hiện quyền thăm nuôi, chăm sóc cháu mà chị TMP không được ngăn cản; ngoài ra, anh ĐQV đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo đơn đề nghị của anh được giao nộp ngày 05-9-2024.

Luật sư NTHN trình bày quan điểm: Đề nghị Tòa án chấp nhận đề nghị của anh ĐQV theo nội dung đã được anh ĐQV trình bày tại bản trình bày ý kiến đề ngày 24-9-2024, cụ thể: Đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa để tổ chức hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ, bởi lý do: Anh ĐQV chưa được nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử; chưa được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; anh ĐQV không đồng ý ly hôn và mong muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ; anh ĐQV có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung trong trường hợp vợ chồng ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất tại huyện I.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

- *Về tố tụng*: Bị đơn là anh ĐQV hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

Bị đơn đã được tổng đạt Thông báo thời gian Toà án tiến hành tố tụng hợp lệ, nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung: Chị TMP và anh ĐQV kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31-3-2011 tại UBND phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy vợ chồng ly thân đã lâu, mâu thuẫn kéo dài nên xác định mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh ĐQV không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án hòa giải nhằm đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị TMP và giải quyết cho chị TMP được ly hôn với anh ĐQV.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu ĐE, sinh ngày 01-6-2012 và cháu DL, sinh ngày 09-7-2014. Hiện nay, cháu ĐE ở với anh ĐQV tại Rumani, cháu DL ở với chị TMP tại Việt Nam. Khi ly hôn, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con, đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu ĐE cho anh ĐQV, giao cháu DL cho chị TMP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị TMP đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên đề nghị Toà án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị TMP. Đơn yêu cầu giải quyết về tài sản của anh ĐQV nộp sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên đề nghị không chấp nhận. Dành quyền khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung cho các đương sự trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại chị TMP số tiền đã nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Bị đơn là anh ĐQV là công dân Việt Nam, hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Do vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành uỷ thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo thời gian tiến hành tố tụng, xét xử cho anh ĐQV hợp lệ; anh ĐQV đã nhận được văn bản của Tòa án và đã có văn bản trình bày ý kiến phản hồi nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân

sự, thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh ĐQV là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 21-12-2023, chị TMP có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tranh chấp tài sản chung, công nợ chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung vợ chồng nữa. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị TMP là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, thì Tòa án Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị TMP.

[2]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về tình cảm:

Chị TMP kết hôn với anh ĐQV là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31-3-2011 tại UBND phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Romania.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị TMP trình bày, nguyên nhân là do anh ĐQV có quan hệ với người phụ nữ khác trong thời kỳ hôn nhân, chị TMP đã tìm được bằng chứng chứng minh. Chị TMP đã sống ly thân với anh ĐQV từ tháng 9-2020 khi còn ở Romania; đến tháng 9-2021, chị TMP đã cùng cháu ĐL trở về Việt Nam sinh sống, vợ chồng sống ly thân không còn liên hệ gì với nhau nữa. Nay chị TMP xác định mâu thuẫn vợ chồng tình trạng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên làm đơn xin ly hôn anh ĐQV.

Anh ĐQV có gửi nhiều văn bản trình bày quan điểm không đồng ý ly hôn, xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh ĐQV không có hành động gì hoặc không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào phù hợp để cải thiện quan hệ vợ chồng nhằm đoàn tụ gia đình. Thậm chí anh ĐQV còn làm đơn ra Ủy ban nhân dân phường D để khai báo, tố cáo về mâu thuẫn khi chị TMP không cho anh đến căn hộ nơi chị TMP ở để thăm cháu ĐL. Thực tế thì vợ chồng đã không yêu thương, không quan tâm đến nhau. Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị TMP và anh ĐQV tình trạng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng xa cách nhiều năm không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của chị TMP là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị TMP và giải quyết cho chị TMP được ly hôn anh ĐQV.

[2.2]. Về con chung:

Các đương sự đều thống nhất xác nhận: Vợ chồng có 02 con chung là cháu ĐE, sinh ngày 01-6-2012 và cháu ĐL, sinh ngày 09-7-2014. Hiện nay, cháu ĐE chung sống

cùng với anh ĐQV ở Romania; cháu ĐL chung sống với chị TMP ở Việt Nam từ năm 2021. Khi ly hôn, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con chung, Tòa án tiếp tục giao cháu ĐE cho anh ĐQV trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu ĐL cho chị TMP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh ĐQV và chị TMP mỗi người được giao nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung nên các bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07-6-2022, chị TMP yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, bao gồm: (1) Nhà đất tại số 9X đường E, phường G, quận HĐ, Thành phố Hà Nội; (2) Thửa đất số 5X1-X-X, tờ bản đồ 2X tại thôn H, xã P, huyện I, Thành phố Hà Nội; (3) Nhà đất số X ngách 3X/2X đường K, phường L, quận M, Thành phố Hà Nội; (4) Khu biệt thự nhà vườn thuộc sân Golf tại Thửa đất số 2X, 3X tại xã N, huyện O, tỉnh Vĩnh Phúc. Gửi kèm theo là các tài liệu có liên quan để chứng minh tài sản chung.

Ngày 21-12-2023, chị TMP có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nội dung này nữa.

Xét thấy: Việc chị TMP có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, thì Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị TMP.

Ngày 05-9-2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận được Đơn trình bày ý kiến của bị đơn và yêu cầu chia tài sản chung của anh ĐQV đề ngày 26-8-2024. Văn bản có chữ ký của anh ĐQV nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài.

Xét thấy: Đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung vợ chồng của anh ĐQV được người đại diện nộp đến Tòa án ngày 05-9-2024 là sau khi Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo lịch trình tố tụng mà Tòa án đã uỷ thác tư pháp tổng đạt cho anh ĐQV và Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử; hơn nữa phần tài sản anh ĐQV yêu cầu Tòa án giải quyết chỉ là một phần trong số nhiều khối tài sản chung vợ chồng. Căn cứ quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự thì không đủ cơ sở để Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh ĐQV trong cùng vụ án. Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu đề nghị chia tài sản chung của anh ĐQV.

Giành quyền khởi kiện về việc phân chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng cho các đương sự để được xem xét giải quyết trong một vụ

án khác (khi đương sự có yêu cầu).

[3]. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18 và điểm a khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì chị TMP phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Do chị TMP rút phần yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, được Toà án chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này nên chị TMP không phải chịu tiền án phí chia tài sản chung. Hoàn trả chị TMP số đã nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 71; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 464; Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 18 và điểm a khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị TMP với anh ĐQV. Chị TMP và anh ĐQV chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác nhận Chị TMP và anh ĐQV có 02 con chung là cháu ĐE, sinh ngày 01-6-2012 và cháu ĐL, sinh ngày 09-7-2014. Khi ly hôn, giao cháu ĐE cho anh ĐQV trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu ĐL cho chị TMP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Các đương sự không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị TMP và anh ĐQV được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của chị TMP.

Giành quyền khởi kiện về việc phân chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng cho các đương sự để được Toà án xem xét, giải quyết trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí sơ thẩm: Chị TMP phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị TMP đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000834 ngày 20-6-2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Ghi nhận chị TMP đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị TMP không phải chịu tiền án phí chia tài sản do chị TMP rút yêu cầu và Toà án đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung. Hoàn trả chị TMP số tiền 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung theo biên lai thu tiền số 0000835 ngày 20-6-2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị TMP có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; anh ĐQV có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (*Một*) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- UBND phường A,
quận HĐ, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Chí Nguyễn